

Bản án số: 04/2024/KDTM-ST
Ngày: 26/6/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lý Khắc Chung;
- Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hợp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2024/QĐXXST-KDTM ngày 10/5/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 320/2024/QĐST-DS ngày 07/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần X (viết tắt là VPBANK). Địa chỉ trụ sở: số 89 Láng Hạ, phường LH, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí S, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP X.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Thành T, chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm THN KHDN & Xử lý nợ Pháp lý – Khối Quản trị rủi ro Ngân hàng TMCP X (Theo Văn bản ủy quyền số 58/2023/UQ-HĐQT ngày 12/7/2023 của VPBank);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Thành T: Ông Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1993, chức vụ chuyên viên xử lý nợ của VPBank và/hoặc ông Đinh Quốc V1, sinh năm 1992, chức vụ Trưởng bộ phận XLN KHDN MN của VPBank. Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng 1, Tòa nhà ACM, số 96, đường Cao Thắng, phường 4, Quận 3,

thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản ủy quyền số 10101/2023/UQ-PGD ngày 22/12/2023 của VPBank).

- *Bị đơn*: Công ty TNHH V, địa chỉ trụ sở: số 137, tổ 7, ấp Chánh Hưng, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH V: Ông Đặng Văn P, sinh năm 1997, chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH V, địa chỉ cư trú và liên hệ: số 286A, khóm Vĩnh Hòa, phường TN, thành phố VL, tỉnh VL.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Đặng Văn P, sinh năm 1997, địa chỉ cư trú: số 286A, khóm Vĩnh Hòa, phường TN, thành phố VL, tỉnh VL.

Tại phiên tòa, ông V có mặt. Riêng ông P vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP X trình bày:

Vào năm 2022 và năm 2023, Công ty TNHH V đã ký hợp đồng vay vốn của Ngân hàng TMCP X (sau đây gọi tắt là VPBank) theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: ETG/22120 ngày 29/11/2022 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng ETG/22120) với hạn mức thấu chi: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), thời hạn duy trì mức thấu chi 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 20,7%/năm, lãi suất này sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn duy trì hạn mức vay thấu chi. Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động buôn bán vật liệu xây dựng.

Để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ETG/22120 ngày 29/11/2022 và phụ lục, văn bản sửa đổi có liên quan, Công ty TNHH V, ông Đặng Văn P và VPBank đã ký Hợp đồng bảo lãnh số: ETG/22120/HĐBL ngày 29/11/2022 với nội dung là: Ông Đặng Văn P đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty TNHH V trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: ETG/23045 ngày 05/4/2023 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng ETG/23045), giá trị hạn mức tín dụng là 29.000.000.000 (Hai mươi chín tỷ đồng), thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng, mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh xi măng, phát hành LC phục vụ hoạt động kinh doanh xi măng. Hai bên còn ký kết Thỏa thuận khung về cấp tín dụng số ETG/23045/TTK ngày 12/4/2023 với nội dung thỏa thuận các điều kiện và điều khoản chung liên quan tới việc cấp và sử dụng các khoản tín dụng tại VPBank.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, VPBank đã giải ngân số tiền trong Hợp đồng tín dụng ETG/23045 ngày 05/4/2023 theo Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ và ủy nhiệm chi số: ETG/23045/KU/Lần 01 ngày 13/4/2023 với số tiền:

9.963.000.000 đồng (Chín tỷ chín trăm sáu mươi ba triệu đồng), thời hạn cho vay là 06 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12,5%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của VPBank từng thời kỳ. Sau đó, VPBank đã tiếp tục giải ngân số tiền trong Hợp đồng tín dụng ETG/23045 ngày 05/4/2023 theo Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ và ủy nhiệm chi số: ETG/23045/KU/Lần 02 ngày 16/5/2023 với số tiền: 18.459.000.000 đồng (Mười tám tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu đồng), thời hạn cho vay là 06 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12,4%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của VPBank từng thời kỳ.

Để đảm bảo cho các khoản vay của Hợp đồng tín dụng ETG/23045 ngày 05/4/2023 và phụ lục, văn bản sửa đổi có liên quan, VPBank với Công ty TNHH V và ông Đặng Văn P đã ký kết thế chấp tài sản như sau:

+ 02 Quyền sử dụng đất tại thửa số 532, 534, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại phường TN, thành phố VL, tỉnh VL theo Hợp đồng thế chấp số ETG/23046 ngày 12/4/2023, số công chứng 04302, quyền số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố VL ngày 13/4/2023;

+ 05 Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 44, 45, 46, 56, 59, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại phường TN, thành phố VL, tỉnh VL theo Hợp đồng thế chấp số: ETG/23053 ngày 15/5/2023, số công chứng 05548, quyền số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố VL ngày 15/5/2023;

+ 03 Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 47, 48, 49 tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại phường TN, thành phố VL, tỉnh VL theo Hợp đồng thế chấp số ETG/23054 ngày 15/5/2023, số công chứng: 05547, quyền số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố VL ngày 15/5/2023;

Tất cả các quyền sử dụng đất nêu trên đều do ông Đặng Văn P đứng tên sử dụng theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 748,2m² thuộc thửa số 532, tờ bản đồ số 18, loại đất trồng cây lâu năm (đã chuyển mục đích thành đất ở đô thị theo QĐ số 18/QĐ-UBND ngày 03/01/2023, hồ sơ số 014982.CM004) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DA 268575, số vào sổ CS17201 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh VL cấp ngày 25/02/2021 cho ông Hồ Nhật Thông đứng tên sử dụng, ngày 11/01/2023 đã chuyển nhượng cho ông Đặng Văn P (hồ sơ số 014982.CN.005);

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 120m² thuộc thửa số 534, tờ bản đồ số 18, loại đất ở đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DA 268576, số vào sổ CS17203 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh VL cấp ngày 25/02/2021 cho ông Hồ Nhựt Thông đứng tên sử dụng, ngày 11/01/2023 đã chuyển nhượng cho ông Đặng Văn P (hồ sơ số 014984.CN.003);

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 97,9m² tại thửa số 59, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DK 554541, số vào sổ CS19009 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh VL cấp ngày 27/4/2023 cho ông Đặng Văn P đứng tên sử dụng;

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 201,8m² tại thửa số 56, tờ bản đồ số 20, loại đất ở đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DK 554538, số vào sổ CS19006 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh VL cấp ngày 27/4/2023 cho ông Đặng Văn P đứng tên sử dụng;

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 90,0m² tại thửa số 46, tờ bản đồ số 20, loại đất ở đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DK 554536, số vào sổ CS19004 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh VL cấp ngày 27/4/2023 cho ông Đặng Văn P đứng tên sử dụng;

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 114,0m² tại thửa số 45, tờ bản đồ số 20, loại đất ở đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DK 554535, số vào sổ CS19003 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh VL cấp ngày 27/4/2023 cho ông Đặng Văn P đứng tên sử dụng;

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 96,0m² tại thửa số 44, tờ bản đồ số 20, loại đất ở đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DK 554534, số vào sổ CS19002 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh VL cấp ngày 27/4/2023 cho ông Đặng Văn P đứng tên sử dụng;

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 374,3m² tại thửa số 47, tờ bản đồ số 20, loại đất ở đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DK 554542, số vào sổ CS19007 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh VL cấp ngày 27/4/2023 cho ông Đặng Văn P đứng tên sử dụng;

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 149,4m² tại thửa số 48, tờ bản đồ số 20, loại đất ở đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DK 554543, số vào sổ CS19008 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh VL cấp ngày 27/4/2023 cho ông Đặng Văn P đứng tên sử dụng;

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 147,9m² tại thửa số 49, tờ bản đồ số 20, loại đất ở đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DK 554537, số vào sổ CS19005 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh VL cấp ngày 27/4/2023 cho ông Đặng Văn P đứng tên sử dụng;

Ngoài ra, ông Đặng Văn P đã ký kết với VPBank Hợp đồng bảo lãnh số ETG/23045/HDBL ngày 12/4/2023 về việc ông P đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài

sản, vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty TNHH V trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Quá trình sử dụng vốn vay, Công ty TNHH V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên. VPBank đã nhiều lần làm việc với đại diện Công ty TNHH V và bên bảo lãnh để yêu cầu thanh toán nhưng phía Công ty TNHH V và bên bảo lãnh vẫn chưa thực hiện. Do đó, Ngân hàng TMCP X (VPBank) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc:

- Công ty TNHH V trả ngay một lần cho VPBank tổng số tiền nợ còn thiếu, tạm tính đến ngày 20/12/2023 là: Nợ gốc thấu chi: 496.379.070 đồng; Nợ lãi, lãi chậm trả thấu chi: 8.867.506 đồng; Nợ gốc hạn mức: 28.421.999.666 đồng; Nợ lãi, lãi chậm trả hạn mức: 2.001.302.323 đồng. Tổng cộng số tiền nợ là 30.928.548.565 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tỷ, chín trăm hai mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm sáu mươi lăm đồng).

- Công ty TNHH V vẫn phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VPBank.

- Trường hợp Công ty TNHH V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành xử lý các tài sản bảo đảm gồm Quyền sử dụng đất tại thửa số 532, 534, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 56, 59 (đã nêu ở trên) để thu hồi nợ.

- Trường hợp Công ty TNHH V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì VPBank có quyền yêu cầu ông Đặng Văn P có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với VPBank.

** Đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH V và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn P trình bày ý kiến tại Bản tự khai đề ngày 14/5/2024 như sau:*

Ông Đặng Văn P thừa nhận Công ty TNHH V có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần X (VPBank) như sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số ETG/22120: 500.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất 20,7%/năm, ngày 29/11/2022, mục đích vay bổ sung vốn hoạt động buôn bán;

- Hợp đồng bảo lãnh ETG/22120/HĐBL ngày 29/11/2022;

- Hợp đồng cấp mức tín dụng số ETG/23045 ngày 05/4/2023 với giá trị hạn mức tín dụng là 29.000.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, mục đích vay: bổ sung vốn hoạt động mua bán;

- Hợp đồng thế chấp tài sản số ETG/23046 ngày 12/4/2023 các tài sản: 02 quyền sử dụng đất thửa số 532, 534 – TĐĐ số: 18, tọa lạc tại phường TN, thành phố VL, tỉnh VL;

- Hợp đồng thế chấp tài sản số ETG/23053 ngày 15/5/2023 các tài sản: 05 quyền sử dụng đất thửa số 44, 45, 46, 56, 59 – TĐĐ số: 20, tọa lạc tại phường TN, thành phố VL, tỉnh VL;

- Hợp đồng thế chấp tài sản số ETG/23054 ngày 15/5/2023 các tài sản: 03 quyền sử dụng đất thửa số 47, 48, 49 – TĐĐ số 20, tọa lạc tại phường TN, thành phố VL, tỉnh VL.

- Hợp đồng bảo lãnh số EYG/23045/HDBL ngày 12/4/2023.

Trong quá trình làm ăn, do gặp nhiều khó khăn nên Công ty TNHH V hiện nay không có khả năng thu hồi vốn để trả nợ số tiền đã vay vốn tại Ngân hàng VPBank nên tôi đồng ý cho phía Ngân hàng VPBank yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành xử lý các tài sản đảm bảo nêu trên để thu hồi nợ của Công ty TNHH V đã vay vốn tại Ngân hàng VPBank.

* Tòa án tiến hành xác minh và trích lục thông tin về tình trạng hoạt động của Công ty TNHH V và tình trạng cư trú của ông Đặng Văn P thì được biết Công ty TNHH V có đăng ký kinh doanh tại Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV đăng ký lần đầu ngày 03/01/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/12/2022, người đại diện theo pháp luật là ông Đặng Văn P, có trụ sở hoạt động tại địa chỉ: số 137, tổ 7, ấp Chánh Hưng, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, hiện nay Công ty TNHH V không còn hoạt động tại địa chỉ trụ sở nhưng chưa thực hiện thủ tục giải thể. Riêng ông Đặng Văn P hiện có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ số 286A, khóm Vĩnh Hòa, phường TN, thành phố VL, tỉnh VL.

Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp, qua xem xét thẩm định được biết hiện các tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất tại các thửa 532, 534, thuộc tờ bản đồ số 18; thửa 44, 45, 46, 47, 48, 49, 56, 59 thửa số 20, đều tọa lạc tại phường TN, thành phố VL, tỉnh VL, hiện trạng đất trống, không có công trình kiến trúc nào xây dựng trên đất và do ông Đặng Văn P quản lý.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ toàn bộ yêu cầu khởi kiện, quá trình vay, Công ty TNHH V có trả được số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số ETG/23045 là 334 đồng, trả tiền lãi là 316.784.470 đồng, trả nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng ETG/22120 là 3.620.930 đồng. Tính đến ngày xét xử 26/6/2024 theo Phiếu chiết tính thu nợ vay do VPBank lập ngày 26/6/2024 thì tổng số tiền nợ mà Công ty TNHH V còn nợ VPBank là 33.152.244.982 đồng; trong đó số tiền nợ gốc là 28.918.378.736 đồng, tiền lãi trong hạn là 928.677.373 đồng; tiền lãi quá hạn là 3.305.188.873 đồng. Nguyên đơn tự

nguyên xin rút lại yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi phạt chậm trả lãi tổng cộng 199.540.745 (theo bảng kê lãi ngày 13/6/2024). Nay, VPBank xác định yêu cầu Công ty TNHH V có nghĩa vụ trả một lần cho VPBank tổng số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 26/6/2024 là 33.152.244.982 đồng và yêu cầu Công ty TNHH V trả lãi phát sinh tiếp theo trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 27/6/2024 cho đến khi trả hết số tiền nợ. Các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên như đã trình bày trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn VPBank đã nộp số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng nên VPBank yêu cầu bị đơn Công ty TNHH V phải trả lại số tiền này cho nguyên đơn.

- Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH V và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn P vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/4/2024.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 280, 317, 320, 335, 342, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 91, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP X (VPBank) đối với Công Ty TNHH V; Buộc bị đơn Công Ty TNHH V do ông Đặng Văn P làm đại diện theo pháp luật phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP X (VPBank) số tiền vốn, lãi tính đến ngày 26/6/2024 tổng cộng là 33.152.244.982 đồng. Kể từ ngày tiếp theo là ngày 27/6/2024, Công Ty TNHH V còn phải trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên cho đến khi trả xong các khoản nợ. Trường hợp Công ty TNHH V không thanh toán đầy đủ số tiền nợ nêu thì nguyên đơn VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa ông Đặng Văn P với VPBank để thu hồi nợ cho VPBank. Trường hợp Công ty TNHH V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ nêu trên thì nguyên đơn VPBank có quyền yêu cầu ông Đặng Văn P có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Về án phí sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”; Bị đơn là Công ty TNHH V có địa chỉ trụ sở tại xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông V có mặt, đại diện theo pháp luật của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn P vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định.

[1.3] Về pháp luật áp dụng giải quyết:

Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng ETG/22120 và ETG/23045, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và ủy nhiệm chi số ETG/23045/KU/lần 01 và số ETG/23045/KU/lần 02; Hợp đồng thế chấp ETG/23046, ETG/23053, ETG/23054; Hợp đồng bảo lãnh số ETG/22120/HDBL và số ETG/23045/HDBL do các bên ký kết. Xét thấy, đây là các giao dịch dân sự được xác lập sau ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng quy định pháp luật của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[1.4] Về phạm vi khởi kiện:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền tổng cộng 30.928.548.565 đồng (tính đến ngày 20/12/2023) và yêu cầu trả lãi phát sinh quá hạn tiếp tục theo mức lãi suất quá hạn trong các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ và các yêu cầu khác về thế chấp và bảo lãnh. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ tổng cộng là 33.152.244.982 đồng (tính đến ngày xét xử 26/6/2024), trong đó, nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi phạt chậm trả lãi (trong phần tiền lãi) tổng cộng 199.540.745 (theo bảng kê lãi ngày 13/6/2024). Và yêu cầu trả lãi phát sinh kể từ ngày 27/6/2024 trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ, các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên. Xét thấy, việc nguyên đơn xin rút lại yêu cầu đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi là tự nguyện và chỉ thay đổi về số tiền nợ, không phải là thay đổi toàn bộ yêu cầu khởi kiện và việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm

2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này và tiếp tục xét xử, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về các hợp đồng tín dụng, số tiền nợ gốc, lãi và nghĩa vụ trả nợ:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn cung cấp, ý kiến trình bày của bị đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó có cơ sở xác định: Giữa Ngân hàng TMCP X và Công ty TNHH V có ký kết các hợp đồng gồm: Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số ETG/22120 ngày 29/11/2022 để vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: ETG/23045 ngày 05/4/2023, giá trị hạn mức tín dụng là 29.000.000.000 (Hai mươi chín tỷ đồng), được giải ngân 02 lần theo văn bản: Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ và ủy nhiệm chi số: ETG/23045/KU/Lần 01 ngày 13/4/2023 với số tiền: 9.963.000.000 đồng (Chín tỷ chín trăm sáu mươi ba triệu đồng) và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ và ủy nhiệm chi số: ETG/23045/KU/Lần 02 ngày 16/5/2023 với số tiền: 18.459.000.000 đồng (Mười tám tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu đồng). Thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, mục đích vay cụ thể đều được quy định trong từng Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và ủy nhiệm chi nêu trên.

Xét thấy, các hợp đồng cho vay, hợp đồng tín dụng, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và ủy nhiệm chi nêu trên mà các bên ký kết đều trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398, Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 14, khoản 16 Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 94 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong hợp đồng.

Từ khi vay đến nay, Công ty TNHH V chỉ thanh toán cho VPBank đối với Hợp đồng tín dụng ETG/22120 số tiền gốc đã trả là 3.620.930 đồng, đối với Hợp đồng tín dụng ETG/23045/KU/lần 1 số tiền lãi đã trả là 117.897.028 đồng, đối với Hợp đồng tín dụng ETG/23045/KU/lần 2 số tiền gốc đã trả là 334 đồng, lãi đã trả là 198.887.442 đồng. Số tiền nợ gốc, lãi còn lại đến nay vẫn chưa thanh toán nên khi hết thời hạn vay trong hợp đồng, toàn bộ số tiền nợ đã chuyển sang nợ quá hạn.

Theo đơn khởi kiện, tính đến ngày 20/12/2023 số tiền nợ gốc, lãi mà Công ty TNHH V còn nợ VPBank là 30.928.548.565 đồng. Tuy nhiên, tính đến ngày xét xử 26/6/2024, số tiền nợ gốc, lãi có thay đổi bao gồm:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số ETG/22120: Tiền nợ gốc: 496.379.070 đồng; Tiền lãi quá hạn: 88.675.061 đồng, tổng cộng gốc, lãi: 585.054.131 đồng;

- Đối với Hợp đồng tín dụng số ETG/23045/KU/Lần 1: Tiền nợ gốc 9.963.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 377.168.536 đồng, tiền lãi quá hạn 1.127.511.345 đồng, tổng cộng gốc, lãi là 11.467.679.881 đồng;

- Đối với Hợp đồng tín dụng số ETG/23045/KU/Lần 2: Tiền nợ gốc 18.458.999.666 đồng, tiền lãi trong hạn 551.508.837 đồng, tiền lãi quá hạn 2.089.002.467 đồng, tổng cộng gốc, lãi là 32.567.190.851 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 26/6/2024 mà Công ty TNHH V còn nợ Ngân hàng VPBank là 33.152.244.982 đồng.

Do bị đơn Công ty TNHH V vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết, làm phát sinh nợ quá hạn, đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Đặng Văn P cũng thừa nhận trong quá trình làm ăn, Công ty TNHH V gặp khó khăn, không có khả năng thu hồi vốn để trả nợ số tiền đã vay vốn tại Ngân hàng VPBank. Nên Ngân hàng TMCP X yêu cầu bị đơn Công ty TNHH V thanh toán tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày xét xử 26/6/2024 là 33.152.244.982 đồng, trong đó số tiền nợ gốc, lãi đối với từng Hợp đồng nêu trên và yêu cầu Công ty TNHH V còn phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền dư nợ gốc kể từ ngày 27/6/2024 theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong từng Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho VPBank là có căn cứ và có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 280, 351, 357, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

[2.2] Về hợp đồng thế chấp tài sản:

Quá trình vay, để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH V tại VPBank, ông Đặng Văn P có ký kết với VPBank các Hợp đồng thế chấp tài sản để thế chấp các quyền sử dụng đất do ông Đặng Văn P đứng tên sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nêu ở nội dung vụ án gồm:

+ Hợp đồng thế chấp số ETG/23046 ngày 12/4/2023, số công chứng 04302, quyền số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố VL ngày 13/4/2023 để thế chấp: 02 Quyền sử dụng đất tại thửa số 532, 534, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại phường TN, thành phố VL, tỉnh VL;

+ Hợp đồng thế chấp số: ETG/23053 ngày 15/5/2023, số công chứng 05548, quyền số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố VL ngày 15/5/2023 để thế chấp: 05 Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 44, 45, 46, 56, 59, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại phường TN, thành phố VL, tỉnh VL;

+ Hợp đồng thế chấp số ETG/23054 ngày 15/5/2023, số công chứng: 05547, quyền số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố VL ngày 15/5/2023 để thế chấp: 03 Quyền sử dụng

đất tại thửa đất số 47, 48, 49 tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại phường TN, thành phố VL, tỉnh VL.

Các tài sản thế chấp nêu trên đều được đăng ký đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố VL, tỉnh VL. Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp hiện trạng đều là đất trống, đang do ông Đặng Văn P quản lý, không có công trình kiến trúc nào xây dựng trên đất.

Xét thấy đối với các Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đều được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có công chứng và có đăng ký giao dịch đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 119, 317, 318, 319, 500 của Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 188 Luật đất đai 2013 và điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số: 83/2010/NĐ-CP, ngày 23/7/2010 của Chính Phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm. Ông Đặng Văn P cũng thừa nhận có ký các hợp đồng thế chấp tài sản số ETG/23046 ngày 12/4/2023; Hợp đồng thế chấp tài sản số ETG/23053 ngày 15/5/2023 và Hợp đồng thế chấp tài sản số ETG/23054 ngày 15/5/2023. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận Hợp đồng thế chấp số ETG/23046 ngày 12/4/2023; Hợp đồng thế chấp số: ETG/23053 ngày 15/5/2023; Hợp đồng thế chấp số ETG/23054 ngày 15/5/2023 được ký kết giữa VPBank và ông Đặng Văn P có hiệu lực pháp luật.

Theo thỏa thuận thế chấp, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn Ngân hàng VPBank yêu cầu trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu của nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ông P cũng cho rằng trong quá trình làm ăn, do gặp nhiều khó khăn nên Công ty TNHH V hiện nay không có khả năng thu hồi vốn để trả nợ số tiền đã vay vốn tại VPBank nên đồng ý cho VPBank yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành xử lý các tài sản đảm bảo nêu trên để thu hồi nợ của Công ty TNHH V.

Do đó, trường hợp bị đơn Công ty TNHH V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ nêu trên cho VPBank thì VPBank được quyền yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp nêu trên theo Hợp đồng thế chấp số ETG/23046 ngày 12/4/2023; Hợp đồng thế chấp số: ETG/23053 ngày 15/5/2023; Hợp đồng thế chấp số ETG/23054 ngày 15/5/2023 được ký kết giữa VPBank và ông Đặng Văn P để đảm bảo thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 299, Điều 320, Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.3] Về hợp đồng bảo lãnh:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu trong trường hợp Công ty TNHH V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu của Ngân hàng VPBank thì VPBank có quyền yêu cầu ông Đặng Văn P có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Xét thấy, để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH V, ông Đặng Văn P đã ký kết với VPBank hợp đồng bảo lãnh số ETG/22120/HDBL ngày 29/11/2022 và hợp đồng bảo lãnh số ETG/23045/HDBL ngày 12/4/2023 về việc ông Đặng Văn P đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty TNHH V trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Ông Đặng Văn P cũng thừa nhận có ký kết hợp đồng bảo lãnh số ETG/22120/HDBL ngày 29/11/2022 và số ETG/23045/HDBL ngày 12/4/2023. Do đó, có cơ sở xác định các hợp đồng bảo lãnh này được ký kết trên cơ sở các bên tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều pháp luật cấm, không trái đạo đức xã hội, hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 116, 117, 119, 335, 336 của Bộ luật Dân sự năm 2015; làm phát sinh quyền và nghĩa vụ bảo lãnh giữa các bên trong hợp đồng.

Căn cứ theo nội dung của Hợp đồng bảo lãnh, trường hợp Công ty TNHH V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ nghĩa vụ như: số tiền nợ gốc, lãi, các khoản phí,...theo Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh số ETG/22120/HDBL và số ETG/23045/HDBL thì VPBank có quyền yêu cầu ông Đặng Văn P có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nêu trên của Công ty TNHH V theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký. Do đó, trong trường hợp Công ty TNHH V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ số tiền nợ 33.152.244.982 đồng (tính đến ngày 26/6/2024) và tiền lãi phát sinh trên dự nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ kể từ ngày 27/6/2024 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ của Công ty TNHH V cho VPBank thì ông Đặng Văn P có nghĩa vụ trả thay toàn bộ số tiền nợ này cho VPBank theo nghĩa vụ bảo lãnh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 335, Điều 336; Điều 342, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về chi phí tố tụng:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp trong vụ án, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do nguyên đơn đã nộp tạm ứng đủ. Căn cứ vào Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Tuy nhiên nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH V phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 141.152.245 đồng (do bị đơn bị buộc nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc, lãi 33.152.244.982 đồng cho nguyên đơn). Nguyên đơn Ngân hàng VPBank không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 69.464.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005138 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 288, Điều 299, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 335, Điều 336; Điều 339, Điều 342, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 500 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 188 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần X (gọi tắt là VPBank):

- Buộc bị đơn Công ty TNHH V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X (VPBank) tổng số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 26/6/2024 là 33.152.244.982 đồng (bằng chữ: Ba mươi ba tỷ một trăm năm mươi hai triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn chín trăm tám mươi hai đồng); trong đó:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số ETG/22120: Tiền nợ gốc: 496.379.070 đồng; Tiền lãi quá hạn: 88.675.061 đồng, tổng cộng gốc, lãi: 585.054.131 đồng;

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số ETG/23045/KU/Lần 1: Tiền nợ gốc 9.963.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 377.168.536 đồng, tiền lãi quá hạn 1.127.511.345 đồng, tổng cộng gốc, lãi là 11.467.679.881 đồng;

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số ETG/23045/KU/Lần 2: Tiền nợ gốc 18.458.999.666 đồng, tiền lãi trong hạn 551.508.837 đồng, tiền lãi quá hạn 2.089.002.467 đồng, tổng cộng gốc, lãi là 32.567.190.851 đồng.

- Buộc Công ty TNHH V có nghĩa vụ trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên do Công ty TNHH V và VPBank đã ký kết kể từ ngày 27/6/2024 cho đến khi trả xong hết số tiền nợ.

- Trường hợp bị đơn Công ty TNHH V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ nêu trên cho VPBank thì VPBank được quyền yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số ETG/23046 ngày 12/4/2023; Hợp đồng thế chấp số: ETG/23053 ngày 15/5/2023; Hợp đồng thế chấp số ETG/23054 ngày 15/5/2023 được ký kết giữa VPBank và ông Đặng Văn P để đảm bảo thu hồi nợ.

- Trường hợp Công ty TNHH V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ số tiền nợ 33.152.244.982 đồng (tính đến ngày 26/6/2024) và tiền lãi phát sinh trên dự nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nêu trên kể từ ngày 27/6/2024 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ của Công ty TNHH V cho VPBank thì ông Đặng Văn P có nghĩa vụ trả thay toàn bộ số tiền nợ nêu trên của Công ty TNHH V cho VPBank theo nghĩa vụ bảo lãnh trong hợp đồng bảo lãnh số ETG/22120/HĐBL ngày 29/11/2022 và hợp đồng bảo lãnh số ETG/23045/HĐBL ngày 12/4/2023 được ký kết giữa ông Đặng Văn P và VPBank.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc Công ty TNHH V trả cho Ngân hàng TMCP X (VPBank) số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu đồng)

3. Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH V phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 141.152.245 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi một triệu một trăm năm mươi hai ngàn hai trăm bốn mươi lăm đồng).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn ngân hàng TMCP X (VPBank) số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 69.464.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005138 ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND HCP;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- Thi hành án DS HCP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng .

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Thái Dương Thùy Dung